

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19.5.2025
(V/v Ly hôn, nuôi con)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Thanh.

Ông Nguyễn Phạm Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thái Trâm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 05 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý ngày 08 tháng 12 năm 2025 về “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 04 năm 2026 giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Nguyên T, sinh năm 1994; địa chỉ: K N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Lê Thanh H, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/6/2025, bản tự khai ngày 12/02/2026 và tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn bà Trần Thị Nguyên T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Thanh H tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đà Nẵng) vào ngày 13/02/2020. Sau khi kết hôn, tôi và ông Lê Thanh H chung sống với nhau tại nhà mẹ của tôi, cuộc sống chung giữa tôi và ông H không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2020 đến năm 2023, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong mọi vấn đề từ gia đình đến việc nuôi dạy con cái. Ngoài ra, ông H nhiều lần đánh đập dần đến tôi phải sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay, cả hai không quan tâm,

chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, tôi nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông Lê Thanh H được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Tôi và ông Lê Thanh H có 02 con chung là Lê Minh N, sinh ngày 03/08/2020 và Lê Trần Bảo T1, sinh ngày 26/10/2021. Hiện nay cháu T1 đang ở với tôi và cháu N đang ở với ông H; Ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Lê Trần Bảo T1, giao con chung Lê Minh N cho ông Lê Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Nguyên T xác định bà và ông Lê Thanh H không có.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông H vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu: Thẩm phán đã xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý, thời hạn giải quyết và việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các điều 195, 196 và 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án tổng đạt hợp lệ theo quy định. Do đó, quyền và nghĩa vụ của bị đơn đã được thực hiện đầy đủ theo quy định tại các điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H.

Về con chung: Giao con Lê Trần Bảo T1, sinh ngày 26/10/2021 cho bà Trần Thị Nguyên T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và giao con Lê Minh N, sinh ngày 03/08/2020 cho ông Lê Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về các vấn đề theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nơi cư trú của ông **Lê Thanh H**; Địa chỉ: Tổ A, phường H, thành phố Đà Nẵng. Nên Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đà Nẵng Thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông **Lê Thanh H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, ông H vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà **Trần Thị Nguyên T** và ông **Lê Thanh H** kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (nay thuộc Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đà Nẵng) hôn nhân trên cơ sở tự nguyện; Hôn nhân giữa bà T và ông H đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T kiên quyết xin ly hôn với ông H; nguyên nhân chính bà cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông H sống không có trách nhiệm với vợ con. Ngoài ra, ông H nhiều lần đánh đập bà T dẫn đến cả hai đã ly thân; bà T đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Lê Thanh H.

Ông Lê Thanh H không có ý kiến nào đối với yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Nguyên T; HĐXX căn cứ vào lời khai của bà T, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Biên bản xác minh ngày 23/3/2026 của chính quyền địa phương thể hiện nguyên nhân là ông H không có trách nhiệm với vợ con, cả hai vợ chồng thường xuyên cãi vã và hiện nay cả hai vợ chồng đã sống ly thân. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông H không tham gia các phiên hòa giải để tạo điều kiện cho các bên Hòa giải đoàn tụ nhưng vẫn không tham gia; Như vậy ông H bỏ mặc cho hậu quả xảy, điều này chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T đề nghị xin ly hôn với ông H là có cơ sở, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Nguyên T và ông Lê Thanh H.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Xét vợ chồng bà và ông Lê Thanh H có 02 con chung là Lê Minh N, sinh ngày 03/08/2020 và Lê Trần Bảo T1, sinh ngày 26/10/2021. Hiện nay cháu T1 đang ở với T và cháu N đang ở với ông H; Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Lê Trần Bảo T1, giao con chung Lê Minh N cho ông Lê Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy phù hợp nên cần được chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bà Trần Thị Nguyên T phải chịu 300.000 đồng.

[4] *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đánh giá phù hợp với nhận định Tòa án nên cần được chấp nhận lời đề nghị của Viện kiểm sát.*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014
- Các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nguyên T đối với ông Lê Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Nguyên T được ly hôn với ông Lê Thanh H.

2. Về con chung: Giao con Lê Trần Bảo T1, sinh ngày 26/10/2021 cho bà Trần Thị Nguyên T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và giao con Lê Minh N, sinh ngày 03/08/2020 cho ông Lê Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Nguyên T xác định không có, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Trần Thị Nguyên T phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0006482 ngày 02/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. (Bà T đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS Khu vực 4 – Đà Nẵng;
- UBND phường Hải Vân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**



Nguyễn Đức Hoàng